

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Mai Xuân H sinh ngày 20/11/1988; Trú tại: Tổ D H, Quận T, thành phố Đà Nẵng; và bà Nguyễn Thị H1 sinh năm: 30/09/1991; Trú tại Tổ C T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn từ năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận S, Thành phố Đà Nẵng. Mâu thuẫn xin ly hôn là bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi sinh hoạt gia đình. Hiện nay vợ chồng không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông H và bà H1 khai nhận không có

[3]. Về tài sản chung: Ông H và bà H1 khai nhận không có

[4]. Về nợ chung: Ông H và bà H1 khai nhận không có.

[5]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông H và bà H1 chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14.3.2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 153 của UBND phường T, Quận S, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/10/2021 không còn giá trị pháp lý.

**1.2. Về quan hệ con chung:** ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 không có

**1.3. Về tài sản chung và nợ chung:** ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 không có

**2. Về lệ phí Tòa án:** Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) Ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **007805** ngày 05.3.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông Mai Xuân H và bà Trần Thị H2 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p An Hải Đông, q Sơn Trà, TP Đà Nẵng
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

### THẨM PHÁN

**Phạm Thanh Thủy**